TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/LĐ-PT
Ngày 15-8-2018
V/v tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thị Huỳnh Hoa

Các Thẩm phán: Bà Bùi Kim Rết
Ông Nguyễn Công Sự

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Long - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà Đỗ Thị Yến - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2018/TLPT-LĐ, ngày 20 tháng 4 năm 2018 về: "Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động".

Do Bản án lao động sơ thẩm số: 02/2018/LĐ-ST, ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 13/2018/QĐ-PT, ngày 20 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1961.

Địa chỉ: phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn D.

Địa chỉ: Phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Viết C – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Phường H, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 20 tháng 4 năm 2017).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 10/02/2017 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng T trình bày:

Ngày 14/12/2015, Công ty trách nhiệm hữu hạn D (sau đây gọi tắt là Công ty D) và ông Nguyễn Hoàng T ký hợp đồng thử việc số: HLI11/HDTV-16, thời gian thử việc 02 tháng (từ ngày 14/12/2015 đến ngày 13/02/2016) với chức danh giám đốc dự án. Công việc của ông T phải làm là thực hiện công việc theo bản mô tả công việc và sự điều động của cấp trên, cụ thể là xin cấp phép và đóng 01 du thuyền, dự kiến công việc sẽ hoàn thành trong 03 năm, mức lương trước thuế là 106.231.154 đồng. Ông T và Công ty D không thỏa thuận thời gian thử việc thêm hoặc hết thời gian thử việc ông T vẫn tiếp tục làm việc thì có được xem là ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn hay không và cũng không thỏa thuận nếu thử việc đạt hiệu quả thì sẽ ký hợp đồng lao động với thời hạn bao lâu.

Vào ngày 13/02/2016, kết thúc thời gian thử việc nhưng ông T vẫn tiếp tục làm việc tại Công ty D. Ngày 29/02/2016, Công ty D ban hành Quyết định số: 02/16/QĐTV-DDS về việc chấm dứt hợp đồng thử việc với ông T từ ngày 01/3/2016. Công ty D đã trả lương cho ông T đến ngày 29/02/2016.

Sau khi hết thời gian thử việc, Công ty D vẫn để cho ông T tiếp tục làm việc nên được coi là trường hợp 02 bên ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Do đó, Công ty D đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không báo trước cho ông T là vi phạm pháp luật. Mặt khác, nội dung Quyết định số: 02/16/QĐTV-DDS, ngày 29/02/2016 về việc chấm dứt hợp đồng thử việc căn cứ vào thông báo chấm dứt hợp đồng thử việc của ông T ngày 29/02/2016 nhưng ông T không thông báo xin chấm dứt hợp đồng lao động.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu Công ty D phải:

- Nhận ông T trở lại làm việc; trường hợp Công ty D không đồng ý nhận ông T trở lại làm việc thì phải bồi thường 02 tháng tiền lương là: 02 tháng x 125.000.000 đồng = 250.000.000 đồng;

- Trả tiền lương trong những ngày ông T không được làm việc (từ ngày 01/3/2016 tạm tính đến ngày 01/01/2018) là: 22 tháng x 125.000.000 đồng/tháng = 2.750.000.000 đồng;

- Bồi thường 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là: 02 tháng x 125.000.000 đồng/tháng = 250.000.000 đồng;

- Đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho ông T kể từ ngày kết thúc hợp đồng thử việc (ngày 13/02/2016);

- Trả tiền trợ cấp thôi việc tương đương ½ tháng lương là 62.500.000 đồng.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, ông Nguyễn Văn S là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn D trình bày:

Bị đơn nhất trí nội dung trình bày của phía nguyên đơn về việc ký kết hợp đồng thử việc, nội dung hợp đồng, công việc phải làm, dự kiến quá trình hoàn thành công việc, quá trình thực hiện hợp đồng thử việc, mức lương thử việc và thời gian cho ông T nghỉ việc.

Quá trình thử việc, ông T làm việc không hiệu quả nên Công ty D không ký tiếp hợp đồng lao động. Trước khi hết thời hạn 03 ngày theo hợp đồng thử việc, Công ty D không thông báo kết quả thử việc cho ông T bằng văn bản do đây là thời điểm nghỉ Tết nguyên đán (ngày 13/02/2016 là ngày 25/12/2015 âm lịch) nên công ty chỉ báo miệng với ông T về kết quả thử việc không đạt và ông T cũng đồng ý nghỉ việc vào ngày 29/02/2016. Do đó, Công ty D vẫn để cho ông T làm việc đến ngày 29/02/2016 và công ty ban hành quyết định chấm dứt hợp đồng thử việc số: 02/16/QĐTV-DDS căn cứ vào thông báo miệng của ông T sẽ chấm dứt hợp đồng thử việc với công ty vào ngày 29/02/2016. Sau khi có quyết định chấm dứt hợp đồng thử việc, Công ty D giao cho ông T quyết định cùng ngày và công ty đã trả tiền lương cho ông T đến ngày 29/02/2016.

Công ty D không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T do không có quy định của pháp luật khi hết thời gian thử việc, nếu người lao động vẫn tiếp tục làm việc thì đương nhiên trở thành hợp đồng không xác định thời hạn. Công ty D chỉ vi phạm điểm b, c khoản 2 Điều 6 Nghị Định số: 88/2015/NĐ-CP, ngày 07/10/2015 của Chính phủ về việc để ông T thử việc quá thời gian quy định và khi kết thúc thời gian thử việc vẫn để ông T tiếp tục làm việc mà không giao kết hợp đồng lao động.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số: 02/2018/LĐ-ST, ngày 23 tháng 01 năm 2018, Tòa án nhân dân thành phố B căn cứ các Điều 32, 35, 40, 203, 220, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị định số: 05/2015/NĐ-CP, ngày 12/01/2015 của Chính phủ; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 22, 26, 27, 29 Bộ luật lao động.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng T đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn D.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/01/2018, nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng T kháng cáo toàn bộ bản án. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về thu thập chứng cứ, cụ thể như sau:

Quyết định nghỉ việc số: 02/16/QĐTV-DDS, ngày 29/02/2016 do ông Nguyễn Đức Minh L đại diện Công ty D ký nhưng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 1, ngày 02/02/2016 thì ông Phan Viết C là người đại diện theo pháp luật Công ty D. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Công ty D xác

định do công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 1, ngày 02/02/2016 chậm nên ngày 29/02/2016 vẫn để ông Nguyễn Đức Minh L ký quyết định nghỉ việc trên và cho rằng văn bản này ký không đúng thẩm quyền, trái pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập làm rõ thời gian nào Công ty D nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 1, ngày 02/02/2016 để đánh giá tư cách pháp lý của ông Nguyễn Đức Minh L khi ký Quyết định nghỉ việc số: 02/16/QĐTV-DDS, ngày 29/02/2016 là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ.

Tài liệu tại bút lục từ số 68 đến 71 là bằng tiếng nước ngoài, hồ sơ không thể hiện ai là người giao nộp cho Tòa án và cũng không được dịch thuật ra tiếng Việt để làm rõ nội dung của những tài liệu này là vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T khai các tài liệu này là do ông nộp, nội dung các tài liệu có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa yêu cầu ông dịch sang tiếng Việt.

Về thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ ngày 17/5/2017, ngày 05/6/2017 và ngày 26/12/ 2017 không thể hiện đương sự được tiếp cận, công khai các tài liệu bằng tiếng nước ngoài tại các bút lục từ 68 đến 71. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị đơn cũng thừa nhận chưa được tiếp cận, công khai các tài liệu bằng tiếng nước ngoài trên.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thu thập chứng cứ:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 1, ngày 02/02/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì ông Phan Viết C là người đại diện theo pháp luật Công ty D nhưng Quyết định nghỉ việc số: 02/16/QĐTV-DDS, ngày 29/02/2016 lại do ông Nguyễn Đức Minh L ký. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Công ty D cho rằng thời điểm ký quyết định nghỉ việc trên, Công ty D chưa nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 1, ngày 02/02/2016. Xét Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập tài liệu, chứng cứ, xác minh làm rõ tư cách người đại diện và người có thẩm quyền ký Quyết định nghỉ việc số: 02/16/QĐTV-DDS, ngày 29/02/2016 là vi phạm thủ tục tố tụng về thu thập chứng cứ không đầy đủ.

Tài liệu tại các bút lục số 68, 69, 70 và 71 bằng tiếng nước ngoài. Theo ông T, các tài liệu trên liên quan trực tiếp đến yêu cầu khởi kiện của ông T, gồm 01 văn bản chấm dứt hợp đồng thử việc, 01 biên bản bàn giao công việc, 01 bản mô tả công việc của ông T. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu đương sự dịch ra tiếng Việt, được công chứng, chứng thực hợp pháp theo quy định tại khoản 3

Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác, tại các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 17/5/2017 (bút lục 73), ngày 05/6/2017 (bút lục 83, 84) và ngày 26/12/2017 (bút lục 151) thể hiện các tài liệu trên không được Tòa án cấp sơ thẩm công khai cho các đương sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị đơn xác định không được Tòa án cấp sơ thẩm cho tiếp cận các tài liệu bằng tiếng nước ngoài trên.

Ngoài ra, đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không lập biên bản giao nhận tài liệu chứng cứ là vi phạm khoản 2 Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những nhận định trên, do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về thu thập tài liệu chứng cứ, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nên Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo đúng quy định pháp luật.

[2] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Ông T không phải chịu án phí phúc thẩm, án phí sơ thẩm sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xác định lại khi vụ án được tiếp tục giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hủy toàn bộ Bản án lao động sơ thẩm số: 02/2018/LĐ-ST, ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B về việc: "Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động" giữa nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng T với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn D.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định pháp luật.

Về án phí: Ông Nguyễn Hoàng T không phải nộp án phí lao động phúc thẩm; án phí sơ thẩm sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xác định lại khi vụ án được tiếp tục giải quyết.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND TP. B;
- Chi cục THADS TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Triệu Thị Huỳnh Hoa